

SHS | Kiến tạo Tài chính thịnh vượng

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA THÔNG TƯ 50/2026/TT-NHNN ĐẾN NGÀNH NGÂN HÀNG

Chuyên viên phân tích:

Lê Thu Huyền - *Email: huyen.lt@shs.com.vn*

Phạm Cao Duy - *Email: duy.pc@shs.com.vn*

ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA THÔNG TƯ 50 ĐẾN NGÀNH NGÂN HÀNG

SHS | Kiến tạo Tài chính thịnh vượng

Thông tư 50/2026/TT-NHNN quy định về tỷ lệ an toàn của ngân hàng vừa ban hành được đánh giá có tác động TÍCH CỰC cho ngành NH nói chung, đặt ra lộ trình cho việc tiến tới chuẩn quốc tế Basel III và tạo tiền đề cho khả năng nâng hạng tín nhiệm quốc gia lên mức Đầu tư

TT50 có hiệu lực từ 01/12/2026; Lộ trình bắt buộc bắt đầu từ 01/10/2028, tuy nhiên NHTM có thể đăng ký áp dụng sớm khung LCR/NSFR sau 1/12/2026 để được nâng trần LDR từ 85% lên 95%

Hướng tới chuẩn mực quốc tế Basel III

TT50 định hướng hệ thống ngân hàng (NH) chuyển từ quản lý thanh khoản theo giới hạn "định lượng" qua khống chế trần LDR hiện nay sang quản trị dựa trên "mức độ rủi ro" theo chuẩn quốc tế Basel III, cụ thể là (1) khuyến khích củng cố bộ đệm thanh khoản, gia tăng nguồn vốn ổn định, (2) giảm phụ thuộc vào vốn liên ngân hàng ngắn hạn và (3) hạn chế chênh lệch kỳ hạn tài sản – nguồn vốn.

Thay đổi công thức tính & nâng trần LDR

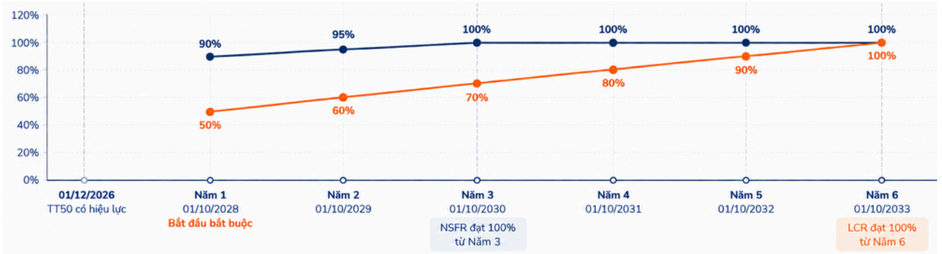
Công thức tính tỷ lệ LDR được thay đổi, đồng thời được nới thêm 10 điểm % từ 85% lên 95%. Mức trần LDR mới được bắt buộc áp dụng từ 01/10/2028, trừ khi ngân hàng đăng ký tham gia lộ trình sớm (kể từ ngày TT50 có hiệu lực 01/12/2026 cho đến trước ngày 01/01/2028). Nếu không tham gia sớm, mức trần LDR vẫn duy trì ở 85% đến khi lộ trình bắt buộc có hiệu lực. Khi các NH đạt LCR và NSFR ≥ 100% sẽ miễn hẳn giới hạn LDR.

Cách tính LDR mới có thể làm tăng LDR so với cách tính hiện tại, tùy cơ cấu nguồn vốn từng NH. Tuy nhiên, mức nới trần 10 điểm % có thể bù đắp phần lớn mức tăng này, nên chúng tôi cho rằng dư địa cho vay nhìn chung được duy trì, kích thích tăng trưởng, giảm áp lực thanh khoản. Về dài hạn, khác biệt giữa các NH nằm ở khả năng đáp ứng LCR và NSFR. Chúng tôi cho rằng nhiều NH có khả năng đáp ứng lộ trình sớm (tối thiểu phải đạt LCR ≥ 50% và NSFR ≥ 90%). Việc tham gia sớm hay không tùy kế hoạch cân đối nguồn vốn của từng NH; động lực rõ hơn ở các NH có LDR hiện tại sát trần 85% và LDR tính lại tăng ít; hoặc các nhóm NH đủ năng lực áp dụng thẳng nếu đạt chuẩn LCR/NSFR ≥ 100% sẽ được miễn giới hạn LDR.

KHUYẾN NGHỊ CHUNG: VCB, CTG, MBB, TCB

Lộ trình bắt buộc cho NHTM

Tỷ lệ LCR và NSFR tối thiểu từng năm



- **Lộ trình bắt buộc:** Năm 1 bắt đầu từ 01/10/2028 (22 tháng sau khi TT50 có hiệu lực). LCR tăng từ 50% ở Năm 1 lên 100% ở Năm 6 (01/10/2033). NSFR tăng từ 90% ở Năm 1 lên 100% từ Năm 3 (01/10/2030) và duy trì 100% các năm sau.
- **Ngân hàng áp dụng sớm:** đăng ký trước 01/01/2028; Năm 1 được tính từ ngày đầu tháng kế tiếp tháng đăng ký theo quy định tại TT50.

So sánh chuẩn thanh khoản trước và sau TT50

TT50 thay thế dần các chỉ tiêu thanh khoản cũ bằng LCR và NSFR

Tỷ lệ	TT22	TT50
LDR (Loan-to-Deposit Ratio) *tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi*	Trần 85%	• Trần 95% khi chuyển sang khung mới; công thức tính được điều chỉnh. ***(Xem trang 2)***
LCR (Liquidity Coverage Ratio) *tỷ lệ khả năng chi trả*	Chưa áp dụng	• Có lộ trình bắt buộc, tối thiểu đạt 50% từ 01/10/2028
NSFR (Net Stable Funding Ratio) *tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng*	Chưa áp dụng	• Có lộ trình bắt buộc, tối thiểu đạt 90% từ 01/10/2028
Áp dụng sớm & miễn trừ	Không có cơ chế	• Đăng ký áp dụng sớm theo lộ trình trước 01/01/2028 → trần LDR được tăng từ 85% lên 95% • Đạt LCR/NSFR theo lộ trình → không cần tuân thủ tỷ lệ chi trả 30 ngày, dự trữ thanh khoản và giới hạn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn (vẫn báo cáo). • Khi NH áp dụng ngưỡng LCR & NSFR ≥ 100%→ miễn thêm giới hạn LDR, nhưng vẫn phải báo cáo LDR.

Nguồn: Thông tư 50/2026/TT-NHNN; Thông tư 22/2019/TT-NHNN và các sửa đổi; Quyết định 1743/QĐ-NHNN; công bố Basel III/IR của các ngân hàng; SHS tổng hợp.

THAY ĐỔI CƠ CHẾ TÍNH LDR

Thông tư 50 thay đổi đáng kể cách xác định tử số và đặc biệt tái cấu trúc mạnh mẫu số trong công thức tính LDR (L/D)

TT50 tái cấu trúc mẫu số D: tính ròng liên ngân hàng, phạm vi GTCG thu hẹp, đồng thời bổ sung vốn/vay nước ngoài và các khoản giảm trừ.

Công thức chung:

$$LDR = \frac{L}{D} \times 100\% = \frac{\text{Tổng dư nợ cho vay}}{\text{Tổng tiền gửi}} \times 100\%$$

THÔNG TƯ 22 HIỆN HÀNH

TỬ SỐ (L):

- **(+) Dư nợ cho vay cá nhân, tổ chức**
  (không bao gồm cho vay TCTD/CN NHNNg khác tại Việt Nam)
- **(+) Các khoản ủy thác cho TCTD/CN NHNNg khác cho vay**
- (-) Dư nợ cho vay bằng nguồn ủy thác mà bên ủy thác chịu rủi ro [1]
- **(-) Nguồn vốn vay nước ngoài [2]**
- (-) Số dư vay tái cấp vốn NHNN
  (trừ khoản tái cấp vốn hỗ trợ khả năng chi trả tạm thời)

MẪU SỐ (D):

- **(+) Tiền gửi của tổ chức trong và ngoài nước**
  *(**gồm tiền gửi TCTD/CN NHNNg khác** [3]; loại trừ tiền ký quỹ, tiền gửi vốn chuyên dùng và tiền gửi KBNN theo quy định [7])*
  Trong đó, tiền gửi tổ chức: 50% tiền gửi có kỳ hạn KBNN tính vào D [*] [7]
  [*]*Theo QĐ 1743/QĐ-NHNN, áp dụng 01/08/2026–31/07/2028.*
- **(+) Tiền gửi của cá nhân**
  (trừ tiền ký quỹ và tiền gửi vốn chuyên dùng)
- **(+) Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu phát hành [4]**

THÔNG TƯ 50

TỬ SỐ (L):

- **(+) Dư nợ gốc nội bảng mà NH chịu rủi ro phát sinh từ hoạt động cho vay đối với cá nhân, tổ chức**
  (bao gồm khoản cho vay phát sinh từ khoản nhận ủy thác) [1]
- **(+) Dư nợ gốc nội bảng phát sinh từ ủy thác cho TCTD/CN NHNNg khác cho vay**
- (-) Dư nợ cho vay TCTD/CN NHNNg khác tại Việt Nam
- (-) Số dư vay tái cấp vốn NHNN không nhằm mục đích hỗ trợ thanh khoản

TT50 chủ yếu làm rõ nguyên tắc chịu rủi ro đối với khoản ủy thác và chuyển vay nước ngoài khỏi tử số.

MẪU SỐ (D):

- **(+) Tiền gửi tổ chức**
  *(**loại trừ tiền gửi TCTD/CN NHNNg khác** [3], ký quỹ/vốn chuyên dùng và tiền gửi không kỳ hạn KBNN; 80% tiền gửi có kỳ hạn KBNN hoặc tỷ lệ khác do Thống đốc quyết định [7])*
- **(+) Tiền gửi của cá nhân** *(trừ ký quỹ và tiền gửi vốn chuyên dùng)*
- **(+) TP do ngân hàng phát hành trong nước đủ điều kiện tính vào Vốn cấp 2** [4]
- **(+) Nguồn vốn ủy thác cấp tín dụng mà ngân hàng nhận và chịu rủi ro** [1]
- **(+) Chênh lệch dương liên ngân hàng** [3]
  (được cấp tín dụng + nhận tiền gửi) - (cấp tín dụng + gửi tiền) [3]
- **(+) Nguồn vay nước ngoài, bao gồm trái phiếu quốc tế** [2] ***(L → D)***
- **(+) Vốn điều lệ/vốn được cấp và các cấu phần vốn chủ sở hữu theo quy định** [5]
- (–) Dư nợ gốc nội bảng từ cấp tín dụng khác không phải cho vay [6]
  (gồm cả dư nợ trả thay theo cam kết ngoại bảng và cấp TD phát sinh từ khoản nhận ủy thác)
- (–) Số dư đầu tư trái phiếu doanh nghiệp [6]
  (trừ trái phiếu do TCTD khác tại Việt Nam phát hành và trái phiếu đặc biệt VAMC)
- (–) Dư nợ gốc nội bảng phát sinh từ ủy thác cho TCTD/CN NHNNg thực hiện cấp tín dụng khác không phải cho vay [6]

Liên ngân hàng chuyển sang tính ròng, phạm vi GTCG được thu hẹp; vốn và vay nước ngoài được bổ sung, trong khi tín dụng ngoài cho vay và TPDN bị khấu trừ.

LDR TÍNH THEO THÔNG TƯ 50 THAY ĐỔI RA SAO?

Ước tính sơ bộ cho thấy LDR tính theo Thông tư 50 cao hơn cách tính hiện hành, mức tăng tùy từng ngân hàng.

1 TÁC ĐỘNG CỦA TỪNG THAY ĐỔI CHÍNH LÊN TỶ LỆ LDR

MÃ	THAY ĐỔI TẠI TT50	LDR	Ý NGHĨA
ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ TRONG CÔNG THỨC			
(2)	**Vốn vay nước ngoài: chuyển từ L sang D** Nguồn vốn · Trước: trừ ở tử số, nay cộng ở mẫu số	↑ Tăng	Bất lợi cho ngân hàng vay nước ngoài nhiều.
THU HẸP NGUỒN VỐN ĐƯỢC TÍNH (D) → LDR TĂNG			
(3)	**(-) Loại tiền gửi của ngân hàng khác khỏi D** Nguồn vốn · Trước: tính toàn bộ	↑ Tăng	Bất lợi cho ngân hàng nhận nhiều tiền gửi liên ngân hàng.
(4)	**Giấy tờ có giá: chỉ tính trái phiếu vốn cấp 2** Nguồn vốn · Trước: tính mọi giấy tờ có giá phát hành	↑ Tăng	Bất lợi hơn cho ngân hàng phụ thuộc nhiều vào CCTG/GTCG ngắn hạn hoặc trái phiếu không đủ điều kiện Vốn cấp 2.
(6)	**(-) Trừ trái phiếu doanh nghiệp đang nắm giữ** Tài sản · Trước: không trừ	↑ Tăng	Bất lợi cho ngân hàng có danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp lớn.
(7)	**Tiền gửi có kỳ hạn Kho bạc: mặc định tính 20%** Nguồn vốn · Trước: tính 50% (QĐ 1743, đến 31/07/2028)	↑ Tăng nếu về mặc định	Bất lợi cho nhóm NH quốc doanh nếu áp dụng mức mặc định 20% theo TT50, trừ khi Thống đốc quyết định tỷ lệ khác.
MỞ RỘNG NGUỒN VỐN ĐƯỢC TÍNH (D) → LDR GIẢM			
(3)	**(+) Cộng chênh lệch dương liên ngân hàng** Nguồn vốn · Mới: phần nhận về trừ phần đem đi	↓ Giảm	Có lợi cho NH đi vay ròng trên liên ngân hàng.
(5)	**(+) Cộng vốn điều lệ, các quỹ, lợi nhuận giữ lại** Vốn chủ sở hữu · Trước: không tính	↓ Giảm	Có lợi cho ngân hàng có vốn chủ sở hữu dày.

(*) Mã số từ (1) đến (7) được trích dẫn từ chú thích của công thức tại trang 2.

*(*) 02 điều chỉnh **(1) Vốn nhận ủy thác tự chịu rủi ro** và **(6) Phần cấp tín dụng khác ngoài cho vay** chủ yếu làm rõ phạm vi tính, tác động sơ bộ tới LDR không đáng kể.*

2 ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG TỚI LDR MỘT SỐ NGÂN HÀNG

Dựa theo số liệu báo cáo tài chính quý 2/2026

Ngân hàng	Vốn chủ sở hữu	Liên ngân hàng	Giấy tờ có giá	Trái phiếu DN	LDR tính lại theo TT50	Hưởng lợi ròng khi trần lên 95%
NHÓM QUỐC DOANH						
VCB	●●	●●●	○	○	Tăng vừa	
CTG	●	●●●	○	○	Tăng vừa	
BID	●	●●	●	○	Tăng vừa	
NHÓM TƯ NHÂN						
VPB	●●	●●	○	○	Tăng ít	
TCB	●●	●●	●	●	Tăng ít đến vừa	
HDB	●	●●	○	○	Tăng vừa	
MBB	●●	●●	●	○	Tăng vừa	
ACB	●	●●	●●	○	Tăng nhiều	

● Có lợi ○ Trung tính ● Bất lợi Nhiều chấm hơn là tác động mạnh hơn

***Thang chấm:** mỗi chấm thể hiện mức thay đổi ước tính của tổng tiền gửi (D), mẫu số của tỷ lệ LDR, khi áp dụng cách tính tại Thông tư 50 so với cách tính hiện hành.*

(*) Xếp hạng định tính về chiều và mức độ tác động, chưa phải mức thay đổi LDR tính toán chính xác, cần xác nhận từ các ngân hàng.

→ LDR tính lại tăng do cách đo thay đổi, không phải thanh khoản xấu đi, và mức nới trần 10 điểm % bù được phần lớn mức tăng này. Khác biệt giữa các ngân hàng sẽ nằm ở khả năng đáp ứng LCR và NSFR, hiện chưa được các NH công bố chi tiết,

PHÂN HÓA KHI ÁP DỤNG TT50: NH QUỐC DOANH, BÁN LẺ, VỐN CHỦ DÀY ÍT ÁP LỰC HƠN

SHS Kiến tạo Tài chính thịnh vượng

Nhóm có lợi thế khi chuyển sang chuẩn mới

BÁN LẺ, TIỀN GỬI DÂN CƯ, CASA CAO

VCB, TCB, MBB, ACB

Được coi là có nguồn vốn ngắn hạn ổn định cao

90-95%	5-10%
ASF trong NSFR	Hệ số rút tiền trong LCR

Nhóm ngân hàng sở hữu các tài sản thanh khoản cao có lợi thế khi tính chỉ số LCR.

VỐN CHỦ DỒI DÀO

TCB, VPB

Nguồn vốn dài hạn ổn định cao

- + Vốn chủ sở hữu
- + Trái phiếu cấp 2
- + Vay nước ngoài

LDR tính theo TT50 tăng ít nhất do vốn chủ lớn, nới trần thêm dư địa cho vay, giảm áp lực huy động; đồng thời cũng là nguồn vốn ổn định khi tính NSFR.

Nhóm phải tái cơ cấu để đạt chuẩn mới

PHỤ THUỘC THỊ TRƯỜNG 2

Lệ thuộc nhiều vào nguồn vốn liên ngân hàng ngắn hạn

100%	0%
Hệ số rút tiền bị tính 100% trong mẫu số công thức tính LCR	Hệ số ASF bị cho bằng 0 trong tử số công thức tính NSFR

Vốn liên ngân hàng không được xem là nguồn vốn ổn định. Phần chênh lệch dương được cộng lại trong LDR (trang 3) không bù được bất lợi ở LCR và NSFR.

NHIỀU TPDN, CHO VAY DÀI HẠN RỦI RO

Danh mục tài sản đòi hỏi nhiều vốn ổn định

- TPDN	100%
Bị trừ khỏi mẫu số LDR mới	Hệ số RSF được tính cho danh mục trái phiếu chưa niêm yết > 1 năm

Nắm TPDN vừa thu hẹp dư địa LDR và phải bổ sung nguồn vốn ổn định.

Nguồn: TT50/2026/TT-NHNN (Điều 12, 13, 16, 22; Phụ lục I–II); QĐ 1743/QĐ-NHNN; SHS Research

ASF (Available Stable Funding): nguồn vốn ổn định sẵn có; RSF (Required Stable Funding): nguồn vốn ổn định yêu cầu.

CONTACT INFORMATION

Research & Analysis Center
Vu Ngoc Linh
Head of Research
Linh.vn@shs.com.vn

Market Strategy
Phan Tan Nhat
Team Lead
Nhat.pt@shs.com.vn

Wealth
Vũ Quỳnh Anh
Analyst
Anh.vq@shs.com.vn

Equity

Financial
Doan Thi Anh Nguyet
Team Lead
Nguyet.dta@shs.com.vn
Le Thu Huyen
Analyst
Huyen.lt@shs.com.vn

Industrial
Nguyen Thanh Hoa
Research Manager
Hoa.nt@shs.com.vn

Energy
Nguyen Ngoc Anh
Analyst
anh.nn2@shs.com.vn

Consumer Discretionary
Le Thu Huyen
Analyst
Huyen.lt@shs.com.vn

Material
Ngo The Hien
Research Manager
Hien.nth@shs.com.vn
Vu Nhat Anh
Analyst
Anh.vn@shs.com.vn

IT
Ngo The Hien
Research Manager
Hien.nth@shs.com.vn

Health Care
Nguyen Thanh Hoa
Research Manager
Hoa.nt@shs.com.vn

Aviation
Pham Cao Duy
Analyst
Duy.pc@shs.com.vn

Real Estate
Pham Hong Son
Research Manager
Son.ph@shs.com.vn
Le Anh Thang
Team Lead
Thang.la@shs.com.vn

Communication
Nguyen Thanh Hoa
Research Manager
Hoa.nt@shs.com.vn

Utilities
Pham Hong Son
Research Manager
Son.ph@shs.com.vn

Consumer Staples
Doan Thi Anh Nguyet
Team Lead
Nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin, dữ liệu và phân tích trong tài liệu này đã được thu thập, tổng hợp và xử lý một cách cẩn trọng tại thời điểm công bố. Tuy nhiên, SHS Research và tác giả không cam kết tính đầy đủ, chính xác tuyệt đối hay cập nhật liên tục của các thông tin được sử dụng. Mọi nội dung trình bày hoàn toàn không đại diện cho quan điểm chính thức của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS, trừ khi có ghi rõ.

Các quan điểm, mô hình và nhận định trong báo cáo phản ánh đánh giá chuyên môn độc lập của nhóm phân tích tại thời điểm viết, dựa trên các giả định cụ thể về bối cảnh kinh tế, chính sách và thị trường. Báo cáo này không cấu thành khuyến nghị đầu tư, lời mời gọi giao dịch, hay cam kết hiệu quả tài chính đối với bất kỳ loại tài sản nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ, hàng hóa, bất động sản hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh.

Các nội dung trong báo cáo cũng không phải là tài liệu tư vấn chính sách chính thức, và không nhằm thay thế cho đánh giá độc lập của các cơ quan hoạch định hoặc các tổ chức ra quyết định điều hành kinh tế. Mọi phân tích về chính sách công chỉ mang tính tham khảo về mặt logic truyền dẫn và kịch bản giả định, không mang tính chỉ đạo hay phản biện chính sách cụ thể.

Chúng tôi khuyến nghị người đọc (dù là nhà đầu tư tổ chức, cá nhân hay cán bộ hoạch định chính sách) cần tự đánh giá độ phù hợp của thông tin với mục tiêu sử dụng, khẩu vị rủi ro, và bối cảnh pháp lý/kinh tế tại thời điểm xem xét. Các dự báo trong báo cáo mang tính mô hình, có thể thay đổi đáng kể khi các yếu tố đầu vào hoặc định hướng chính sách thay đổi.

Tài liệu này không được sử dụng để xây dựng hồ sơ chào bán chứng khoán, truyền thông tiếp thị sản phẩm tài chính, hoặc làm căn cứ pháp lý nếu không có phê duyệt rõ ràng từ Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS.

Mọi hành vi sao chép, chia sẻ, trích dẫn một phần hoặc toàn bộ báo cáo cần tuân thủ quy định về bản quyền.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:
Research@shs.com.vn
Trung tâm Phân tích -
CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Website: www.shs.com.vn